|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  | | --- | | **Tên nhà thầu:** | | **Địa chỉ nhà thầu:** | | **Mã số thuế:** | | **Người liên hệ:** | | **Số điện thoại liên hệ:** | |  | | **BẢNG CHÀO GIÁ** | | Mã hồ sơ: | | Tên dự toán: Mua sắm máy điện não vi tính | | **Kính gửi: BỆNH ViỆN TÂM THẦN HuẾ** | | Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Tâm thần Huế, Công ty chúng tôi trân trọng gửi đến Bệnh viện bảng báo giá như sau: | |  | | ***(Mẫu số: BVBR-BGTB1401)*** | | | | | |  | |  | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
|  | | | |
|  | | | |
| **THÔNG TIN MỜI BÁO GIÁ** | | | | | | |  | |  | **THÔNG TIN BÁO GIÁ CỦA NHÀ THẦU** | | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| 1 | 2 | 3 | | 4 | | | 5 | | 6 | 7 | 8 | 9 | | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | |
| **STT** | **Mã tham chiếu** | **Tên hàng hóa mời báo giá** | | **Thông số kỹ thuật mời báo giá** | | | **Đơn vị tính** | | **Số lượng mời báo giá** | **Tên thương mại** | **Mã HS** | **Mã sản phẩm** | | **Nước sản xuất** | **Hãng sản xuất** | **Nước chủ sở hữu** | **Hãng chủ sở hữu** | **Thông số kỹ thuật** | **Quy cách đóng gói** | **Đơn giá có VAT (VNĐ)** | **Chi phí cho các dịch vụ liên quan (nếu có) (VNĐ)** | **Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)** | **Thành tiền có VAT (VNĐ)** | **Giá kê khai** | **Đơn vị tính theo giá kê khai** | **Mã hồ sơ kê khai giá** | **Giá niêm yết** | **Đơn vị tính theo giá niêm yết** | **Mã hồ sơ niêm yết giá** | **Giá trúng thầu (nếu có)** | **Thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu** | **Phân loại về đơn vị báo giá** | |
| 1 |  | Máy điện não vi tính | | I. Yêu cầu chung  - Năm sản xuất: 2024 trở về sau, mới 100% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng: 220 V ± 10%; 50-60Hz. - Môi trường làm việc:  + Nhiệt độ tối đa: ≥ 300C.  + Độ ẩm tối đa: ≥ 75%. II. Yêu cầu cấu hình - Máy chính: 01 máy - Phần mềm tích hợp sẵn trong máy: 01 bộ - Các phụ kiện đi kèm bao gồm: + Bộ nguồn cách ly: 01 bộ + Hộp điện cực đầu vào 32 kênh: 01 bộ  + Đèn kích thích ánh sáng kèm gá lắp đèn: 01 bộ + Hộp điều khiển kích thích ánh sáng: 01 bộ \* Gel: 02 lọ + Bộ phụ kiện đo điện não dùng nhiều lần: 01 bộ, bao gồm:  \* Mũ điện não: 01 cái \* Điện cực cầu bạc: 23 cái \* Bộ cáp có đầu kẹp cá sấu: 01 bộ \* Điện cực tai: 02 cái  - Bộ thiết bị phụ trợ bao gồm: + Màn hình: 01 cái + Máy in laser trắng đen: 01 cái  + Bộ lưu điện: 01 bộ + Bàn đặt máy: 01 cái  III. Yêu cầu kỹ thuật 1. Hộp thu tín hiệu điện cực  - Trở kháng đầu vào: ≥ 100MΩ - Dòng rò: ≤ 5nA - Nhiễu nội tại: ≤ 1,5µVp-p (Trong dải tần số khoảng từ 0.55Hz đến 60Hz) - CMRR: ≥ 100 dB (60Hz) - Lọc thông thấp: Khoảng 0,08 Hz  - Lọc thông cao: Khoảng 300 Hz  - Chuyển đổi A/D: ≥ 16bit - Có khả năng lấy và giữ mẫu bằng tất cả các điện cực cùng lúc - Tần suất lấy mẫu: Có ≥ 4 mức lựa chọn; Trong khoảng từ ≤ 100 đến ≥ 1000Hz 2. Xử lý tín hiệu Độ nhạy: - Cổng vào EEG: Có thể lựa chọn ≥ 14 mức; Trong khoảng từ ≤ 1 μV/mm đến ≥ 200 μV/mm và tắt.  - Cổng vào DC: Có thể lựa chọn ≥ 8 mức; Trong khoảng từ ≤ 10 mV/mm đến ≥ 200 mV/mm và tắt. - Hằng số thời gian: Có thể lựa chọn ≥ 10 mức; Trong khoảng từ ≤ 0.001 giây đến ≥ 10.0 giây - Lọc thông thấp: Có thể lựa chọn ≥ 10 mức; Trong khoảng từ ≤ 0.02 Hz đến ≥ 155 Hz - Lọc thông cao: Có thể lựa chọn ≥ 8 mức; Trong khoảng từ ≤ 15 - ≥ 300Hz - Lọc nhiễu AC: Khoảng 50 Hz  - Cân chỉnh tín hiệu sóng: + Dạng sóng: sóng xung 0.25Hz hoặc sóng hình sin 10Hz + Điện thế: Có thể lựa chọn ≥ 9 mức; Trong khoảng từ ≤ 2- ≥ 1000 mV - Có lọc tín hiệu điện tim trong cả chế độ thu nhận và xem lại - Có chức năng kiểm tra trở kháng điện cực. - Ngưỡng trở kháng: Có thể lựa chọn ≥ 5 mức; Trong khoảng từ ≤ 2 - ≥ 50 kΩ 3. Hiển thị - Độ phân giải: Có thể điều chỉnh từ 1024×768 sang 1600 ×1200. - Số kênh hiển thị: ≥ 64 kênh  - Số kênh đánh dấu: ≥ 1 kênh  - Màu hiển thị sóng: ≥ 16 màu  - Có khả năng bật hoặc tắt hiển thị sóng - Có khả năng tùy chỉnh vị trí hiện sóng - Có khả năng dừng hình đang hiển thị - Tốc độ hiện sóng: Có thể lựa chọn 5, 10, 15, 20, 30, 60 giây/trang hoặc 5 phút/trang - Có khả năng đánh dấu thời gian ở mức: 0.1 hoặc 1 giây 4. Chế độ xem lại - Chế độ hiệu chỉnh: Vị trí điện cực, độ nhạy, lọc thông cao, thông số thời gian, điện cực mẫu và tốc độ hiển thị - Xem lại chế độ hiển thị: Liên tục, tốc độ cao, tốc độ cao có tạm dừng, chỉnh tay từng trang một, chỉnh tay từng giây một, chỉnh tay dạng sóng trung tâm  - Xem lại các thông tin hiển thị: Sự kiện, số kênh, vị trí điện cực và ghi chú 5. Kích thích ánh sáng - Năng lượng ánh sáng kích thích tối đa: ≥ 1.25 J - Chế độ kích thích: Có ≥ 3 chế độ tự động  - Kích thích tự động:  + Tốc độ kích thích: Từ ≤ 0.5 - ≥ 30 Hz  + Thời gian kích thích: Từ 1 đến ≥ 90 giây   + Thời gian dừng: Từ 1 đến ≥ 30 giây - Kích thích bằng tay:   + Có thể tuỳ chỉnh tần số và thời gian kích thích  + Tốc độ kích thích: Từ ≤ 0.5 - ≥ 30 Hz  + Thời gian kích thích: Từ 1 đến ≥ 90 giây  + Có thể kích thích liên tục: ≥ 5 phút  + Có các chế độ kích thích xung nhịp ngẫu nhiên, kích thích nhịp đơn theo tín hiệu trigger ngoại vi. 6. Thiết bị phụ trợ: - Màn hình:  + Loại màn hình: LCD + Kích thước: ≥ 21 inch + Độ phân giải: Full HD (1920x1080) - Máy in laser trắng đen:  + Khổ giấy in: A4; B5: A5 + Độ phân giải: ≥ 600x600 dpi + Tốc độ in: 18 trang/phút - Bộ lưu điện:  + Công suất: ≥ 1KVA + Loại UPS online - Bàn đặt máy:  + Loại có bánh xe di chuyển, bánh xe có hãm + Mặt bàn: Ván MDF chống thấm hoặc tương đương + Cấu trúc bàn: chân sắt, sơn tĩnh điện. IV. Yêu cầu khác - Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng. - Thời gian giao hàng: ≤ 90 ngày tại đơn vị sử dụng. - Lắp đặt, chạy thử ngay sau khi bàn giao, được thực hiện bởi kỹ sư có đủ trình độ, kinh nghiệm. - Đào tạo nhân sự: về lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng thiết bị đến khi thành thạo. - Khi có sự cố xảy ra nhân viên kỹ thuật sẽ có mặt trong vòng 48 giờ để giải quyết. - Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế trong vòng 8 năm.  - Cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng (User manual) bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Tài liệu hướng dẫn sửa chữa bằng tiếng Anh (Service manual). - Cam kết cung cấp đầy đủ các giấy chứng chỉ chất lượng (CQ), xuất xứ (CO) của hàng hóa. - Có tờ khai nhập khẩu hải quan khi giao hàng đối với các thiết bị nhập khẩu - Nhà thầu có trách nhiệm kiểm định thiết bị và cùng đơn vị sử dụng hoàn thiện hồ sơ cấp phép đưa vào sử dụng đối với các thiết bị phải được cấp phép theo yêu cầu của các cơ quan chức năng. - Có giấy phép nhập khẩu thiết bị do Bộ Y Tế cấp khi giao hàng đối với các thiết bị phải xin phép nhập khẩu theo quy định. - Có giấy ủy quyền hợp pháp của nhà sản xuất cho phép cung cấp thiết bị tại Việt Nam hoặc giấy ủy quyền của đại lí hợp pháp tại Việt Nam. - Có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ trong thời gian bảo hành theo quy định của nhà sản xuất. - Cung cấp báo giá bảo trì, bảo dưỡng trọn gói sau thời gian bảo hành. - Yêu cầu báo giá vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế. - Cam kết hàng hóa đáp ứng các quy định về pháp lý theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP và các văn bản Pháp luật có liên quan (nếu có). | | | Bộ | | 1 |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  | |  | | |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| Báo giá này có hiệu lực trong vòng 200 ngày kể từ ngày báo giá | | | | | | |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| Chúng tôi cam kết: \* Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. \* Giá trị của các hàng hóa/dịch vụ nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá. \* Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | | |  |  | |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | | |  |  | |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | | |  |  | |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |